

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23/3/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Ngọc Phượng.

2. Ông Hoàng Văn Tấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Thị Hanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2023, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ dân phố VQ, thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

\* Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ dân phố VQ, thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tuấn Đ đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa do hai bên hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại Tổ dân phố VG, thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa, đến năm 2021 vợ chồng chị chuyển đến sống tại Tổ dân phố VQ,

thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và kinh tế, anh Đ chơi bời, không tu chí làm ăn, từ đó vợ chồng hay xảy ra cãi chửi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị đã cố gắng chịu đựng và khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Đ không thay đổi. Chị và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con là cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh, sinh ngày 22/9/2004 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 30/4/2016. Tại đơn khởi kiện chị có nguyện được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh và cháu H là 2.000.000đ/tháng/02 cháu (mỗi cháu 1.000.000đ/tháng), cấp dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Q hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Tuấn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống cùng nhau tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang cuộc sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng về kinh tế nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì các con còn nhỏ nên cần thời gian suy nghĩ thêm.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con là cháu Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 22/9/2004 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 30/4/2016. Trường hợp ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Q hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn Đ. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc H, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Đối với cháu Nguyễn Ngọc Q hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường nên

không đề nghị Tòa án giải quyết, về tài sản chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Tuấn Đ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần) và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến khác ngoài biên bản lấy lời khai.

Xác minh tại Tổ dân phố VQ, thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa thể hiện: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tuấn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố VQ, thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, chị H và anh Đ có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn chung sống tại Tổ dân phố VG, thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa đến đầu năm 2021 chị H, anh Đ chuyển khẩu về sinh sống tại dân phố Vĩnh Quý. Từ khi chị H chuyển về sinh sống tổ dân phố không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh Đ do anh chị không báo cáo tổ dân phố hòa giải. Đến khoảng giữa năm 2021 anh Đ bỏ đi khỏi địa pH, thỉnh thoảng vào dịp lễ, tết hoặc gia đình chị H có công việc anh Đ vẫn về thăm gia đình, còn địa chỉ của anh Đ thì tổ dân phố không nắm được. Về con chung: Vợ chồng chị H có 02 con tên là Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 22/9/2004 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 30/4/2016 hiện nay cả hai cháu đang sống cùng chị H. Cháu Q hiện đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 30/4/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 22/9/2004 hiện đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị H và anh Đ xác định tự thỏa thuận, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H và anh Đ xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh Nguyễn Tuấn Đ không phải chịu dân sự sơ thẩm ly hôn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về pháp luật tố tụng.*

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nH dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Tuấn Đ có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố VQ, thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nH và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nH dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng Đ văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên tại phiên tòa anh Nguyễn Tuấn Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nH dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### *[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

[2.1] Về quan hệ hôn nH: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tuấn Đ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nH và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 16/02/2004 tại Ủy ban nH dân thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nH hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, theo chị H trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016 và sống ly tH từ đó đến nay, anh Đ trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly tH từ năm 2018 cho đến nay. Mặc dù có sự mâu thuẫn giữa lời khai về thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn của chị H và anh Đ nhưng về nguyên nH mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống và kinh tế. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh Đ đã trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Do vậy, căn cứ các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nH và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H cần xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn Đ.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 22/9/2004 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 30/4/2016. Chị H và anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc H nhưng Hội đồng xét xử xét thấy anh Đ thường xuyên đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương, cháu H hiện còn nhỏ là con gái nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ để đảm bảo sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý của trẻ nhỏ. Do đó

căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 30/4/2016 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Nguyễn Tuấn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu Nguyễn Ngọc Q hiện đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H và anh Đ xác định tự thỏa thuận, nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị H và anh Đ xác định không có, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Tuấn Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nH và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nH: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 30/4/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Nguyễn Tuấn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số

AA/2021/0005437 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nay được chuyển thành tiền án phí. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Tuấn Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- UBND thị trấn Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Lương Thị Huệ**